TKB - MÔN CHUNG CHO K71 KỲ 2 (2021 - 2022)

1. Môn KTCT (2 tc)

Nhóm	Lớp	Phòng	Tổng	Tên khoa	SL	Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu	
						Sáng	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*
Nhóm 1, Tuần 1 - 2	1	113C	236	SP Toán học (A1,2,3,4)	236	4,5				4,5					
	2	115C	212	SP Toán (A5,6)	118	4,5				4,5					
				Toán học	94	4,5				4,5					
	3	101-HT 11/10	258	SP Vật lý	258	4,5				4,5					
Nhóm 2, Tuần 3-4	4	101-HT 11/10	280	SP Hóa học	210			4,5				4,5			
				Hóa học	70			4,5				4,5			
	5	113C	183	Công nghệ thông tin E1,2,3	245			4,5				4,5			
	6	115C	227	SP Tin học, CNTT E4	165			4,5				4,5			
Nhóm 3, Tuần 5-6	7	101-HT 11/10	277	SP Công nghệ	103		9,10				9,10				
				SP Sinh học	162		9,10				9,10				
				Sinh học	12		9,10				9,10				
	8	113C	230	SP Tiếng Anh	112		9,10				9,10				
				Ngôn ngữ Anh	59		9,10				9,10				
				Tiếng Pháp	59		9,10				9,10				
	9	115C	228	Việt Nam học	119		9,10				9,10				
				Quản trị dịch vụ du lịch	109		9,10				9,10				
Nhóm 4, Tuần 7-8	10	101-HT 11/10	304	SP Ngữ văn (A3,4,5,6,7)	304				9,10				9,10		
	11	113C	230	SP Văn (A1,2)	129				9,10				9,10		
				Văn học E	101				9,10				9,10		
	12	115C	215	Giáo dục đặc biệt	141				9,10				9,10		
				Hỗ trợ người khuyết tật	35				9,10				9,10		
				Quản lý giáo dục	39				9,10				9,10		
Nhóm 5, Tuần 9-10	13	301 HL	275	Giáo dục mầm non	197					4,5				4,5	
				Giáo dục mầm non- TA	78					4,5				4,5	
	14	501 HL	241	Giáo dục Tiểu học	141					4,5				4,5	
				Giáo dục tiểu học -TA	100					4,5				4,5	
	15	111C	130	Tâm lý học giáo dục	44					4,5				4,5	
				Tâm lý học (TLH TH)	86					4,5				4,5	
	16	109C	91	Triết học	66					4,5				4,5	
				Giáo dục quốc phòng và AN	25					4,5				4,5	
Nhóm 6, Tuần 11-12	17	301 HL	264	SP Lịch sử	128						9,10				9,10
				Giáo dục thể chất	51						9,10				9,10
				SP Âm nhạc	67						9,10				9,10
				SP Mỹ Thuật	18						9,10				9,10
	18	109C	118	Giáo dục chính trị	16						9,10				9,10

Nhóm 6, Tuần 11-12				Giáo dục Công dân	102						9,10				9,10
	19	501 HL	250	Chính trị học	48						9,10				9,10
				Địa lý	202						9,10				9,10
	20	111C	121	Công tác xã hội	121						9,10				9,10
Nhóm 7	21	301 HL	198	SP Toán TA, Lý TA, Hóa TA, Tin TA, Sinh TA	198			4,5				4,5			

21

2. Môn TK XH học (2 tc)

Nhóm	Lớp	Phòng	Tổng	Tên khoa	SL	Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu	
						Sáng	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*
Nhóm 1, Tuần 1-2	1	113C	707	SP Toán học (A1,2,3,4)	236	1,2,3									
	2	115C		SP Toán (A5,6)	118	1,2,3									
				Toán học	94	1,2,3									
	3	101-HT 11/10		SP Vật lý	258	1,2,3									
Nhóm 2, Tuần 3-4	4	101-HT11/10	690	SP Hóa học	210			1,2,3							
				Hóa học	70			1,2,3							
	5	113C		Công nghệ thông tin E1,2,3	245			1,2,3							
	6	115C		SP Tin học, CNTT E4	165			1,2,3							
Nhóm 3, Tuần 5-6	7	101-HT 11/10	735	SP Công nghệ	103						6,7,8				
				SP Sinh học	162						6,7,8				
				Sinh học	12						6,7,8				
	8	113C		SP Tiếng Anh	112						6,7,8				
				Ngôn ngữ Anh	59						6,7,8				
				Tiếng Pháp	59						6,7,8				
	9	115C		Việt Nam học	119						6,7,8				
				Quản trị dịch vụ du lịch	109						6,7,8				
Nhóm 4, Tuần 7-8	10	101-HT 11/10	751	SP Ngữ văn (A3,4,5,6,7)	304								6,7,8		
	11	113C		SP Văn (A1,2)	129								6,7,8		
				Văn học E	101								6,7,8		
	12	115C		Giáo dục đặc biệt	141								6,7,8		
				Hỗ trợ người khuyết tật	35								6,7,8		
				Quản lý giáo dục	39								6,7,8		
Nhóm 5, Tuần 9-10	13	301 HL	712	Giáo dục mầm non	197									1,2,3	
				Giáo dục mầm non- TA	78									1,2,3	
	14	501 HL		Giáo dục Tiểu học	141									1,2,3	
				Giáo dục tiểu học - TA	100									1,2,3	
	15	111C		Tâm lý học giáo dục	44									1,2,3	
				Tâm lý học (TLH TH)	86									1,2,3	
	16	109C	91	Triết học	66									1,2,3	
				Giáo dục quốc phòng và AN	25									1,2,3	
	17	301 HL	264	SP Lịch sử	128										6,7,8
				Giáo dục thể chất	51										6,7,8

Nhóm 6, Tuần 11-12	17	301 HL	204	SP Âm nhạc	67										6,7,8
				SP Mỹ Thuật	18										6,7,8
	18	109C	118	Giáo dục chính trị	16										6,7,8
				Giáo dục Công dân	102										6,7,8
	19	501 HL	250	Chính trị học	48										6,7,8
				Địa lý	202										6,7,8
	20	111C	121	Công tác xã hội	121										6,7,8
Nhóm 7	21	301 HL	198	SP Toán TA, Lý TA, Hóa TA, Tin TA, Sinh TA	198							1,2,3			

3. Môn XH học ĐC (2 tc)

Nhóm	Lớp	Phòng	Tổng	Tên khoa	SL	Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu	
						Sáng	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*
Nhóm 3	1	101-HT 11/10	230	SP Tiếng Anh	112		6,7,8								
				Ngôn ngữ Anh	59		6,7,8								
				Tiếng Pháp	59		6,7,8								
	2	113C	119	Việt Nam học	119		6,7,8								
	3	115C	109	Quản trị dịch vụ du lịch	109		6,7,8								
Nhóm 4	4	101-HT 11/10	304	SP Ngữ văn (A3,4,5,6,7)	255				6,7,8						
	5	113C	230	SP Văn (A1,2)	129				6,7,8						
				Văn học E	101				6,7,8						
	6	115C	215	Giáo dục đặc biệt	141				6,7,8						
				Quản lý giáo dục	39				6,7,8						
				Hỗ trợ người khuyết tật	35				6,7,8						
Nhóm 5	7	301 HL	712	Giáo dục mầm non	197					1,2,3					
				Giáo dục mầm non- TA	78					1,2,3					
	8	501 HL		Giáo dục Tiểu học	141					1,2,3					
				Giáo dục tiểu học - TA	100					1,2,3					
	9	111C	130	Tâm lý học giáo dục	44					1,2,3					
				Tâm lý học (TLH TH)	86					1,2,3					
	10	109C	91	Triết học	66					1,2,3					
				Giáo dục quốc phòng và AN	25					1,2,3					
Nhóm 6	11	301 HL	753	SP Lịch sử	128						6,7,8				
				Giáo dục thể chất	51						6,7,8				
				SP Âm nhạc	67						6,7,8				
				SP Mỹ Thuật	18						6,7,8				
	12	109C		Giáo dục chính trị	16						6,7,8				
				Giáo dục Công dân	102						6,7,8				
	13	501 HL		Chính trị học	48						6,7,8				
				Địa lý	202						6,7,8				
	14	111C		Công tác xã hội	121						6,7,8				

4. Môn Nhân học ĐC (2 tc)

Nhóm	Lớp	Phòng	Tổng	Tên khoa	SL	Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu	
						Sáng	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*
Nhóm 3	1	101-HT 11/10	230	SP Tiếng Anh	112							1,2,3			
				Ngôn ngữ Anh	59							1,2,3			
				Tiếng Pháp	59							1,2,3			
	2	113C	119	Việt Nam học	119							1,2,3			

	3	115C	109	Quản trị dịch vụ du lịch	109							1,2,3			
Nhóm 4	4	101-HT 11/10	304	SP Ngữ văn (A3,4,5,6,7)	304					1,2,3					
	5	113C	230	SP Văn (A1,2)	129					1,2,3					
				Văn học E	101					1,2,3					
	6	115C	228	Giáo dục đặc biệt	141					1,2,3					
				Quản lý giáo dục	39					1,2,3					
				Hỗ trợ người khuyết tật	35					1,2,3					
Nhóm 5	7	301 HL	275	Giáo dục mầm non	197		6,7,8								
				Giáo dục mầm non- TA	78		6,7,8								
	8	501 HL	241	Giáo dục Tiểu học	141		6,7,8								
				Giáo dục tiểu học - TA	100		6,7,8								
	9	111C	130	Tâm lý học giáo dục	44		6,7,8								
				Tâm lý học (TLH TH)	86		6,7,8								
	10	109C	91	Triết học	66		6,7,8								
				Giáo dục quốc phòng và AN	25		6,7,8								
Nhóm 6	11	301 HL	264	SP Lịch sử	128	1,2,3									
				Giáo dục thể chất	51	1,2,3									
				SP Âm nhạc	67	1,2,3									
				SP Mỹ Thuật	18	1,2,3									
	12	109C	118	Giáo dục chính trị	16	1,2,3									
				Giáo dục Công dân	102	1,2,3									
	13	501 HL	250	Chính trị học	48	1,2,3									
				Địa lý	202	1,2,3									
	14	111C	121	Công tác xã hội	121	1,2,3									

5. Nhập môn khoa học máy tính (2 tc)

Nhóm	Lớp	Phòng	Tổng	Tên khoa	SL	Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu	
						Sáng	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*
Nhóm 1	1	401K	178	SP Toán học (A1,2,3)	178		6,7								
	2	401K	177	SP Toán (A 4,5,6)	177		8,9								
	3	401K	154	Toán học (CN)+ SP Lý (A4)	94						6,7				
	4	401K	197	SP Vật lý (A 1,2,3)	258			4,5							
Nhóm 2	5	401K	210	SP Hóa học	210						8,9				
Nhóm 3	6	401K	174	SP Sinh học	162			2,3							
				Sinh học	12			2,3							

6. Môn Phép tính vi phân, tích phân (3 tc)

Nhóm	Lớp	Phòng	Tổng	Tên khoa	SL	Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu	
						Sáng	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*
Nhóm 1	1	101-HT	178	SP Toán học (A1,2,3)	178									1,2,3,4,5	
	2	113C	177	SP Toán (A 4,5,6)	177									1,2,3,4,5	
	3	106D3	94	Toán học	94									1,2,3,4,5	
	4	115C	133	SP Vật lý A 1,2	258									1,2,3,4,5	
	5	407K	124	SP Vật lý A3,4	258									1,2,3,4,5	
Nhóm 2	6	101-HT 11/10	140	SP Hóa học (A1,2)	140										6,7,8,9,10
	7	113C	140	Hóa học, SP Hoá A3	140										6,7,8,9,10
	8	106D3	124	Công nghệ thông tin E1,2	124										6,7,8,9,10
	9	407K	121	Công nghệ thông tin E3,4	121										6,7,8,9,10

	10	115C	165	SP Tin học	165										6,7,8,9,10
Nhóm 3	11	109C	103	SP Công nghệ	103							1,2,3,4,5			
	12	111C	177	SP Sinh học	162							1,2,3,4,5			
				Sinh học	12							1,2,3,4,5			
Nhóm 7	13	HTK	198	SP Toán TA, Lý TA, Hóa TA, Tin TA, Sinh TA	198		6,7,8,9,10								

7. Môn Tin Đại Cương (2 tc)

Nhóm	Lớp	Phòng	Tổng	Tên khoa	SL	Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu	
						Sáng	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*
Nhóm 3	1	401K	135	SP Tiếng Anh	135				6,7						
				Ngôn ngữ Anh					6,7						
	2	401K	137	Tiếng Pháp	36				8,9						
				Việt Nam học	101				8,9						
				Quản trị dịch vụ du lịch					8,9						
Nhóm 4	3	401K	199	SP Ngữ văn (A3,4,5,6)	404	2,3									
	4	HTK	205	SP Văn (A1,2,7)		2,3									
				Văn học E		2,3									
	5	401K	123	Giáo dục đặc biệt	93	4,5									
				Hỗ trợ người khuyết tật		4,5									
				Quản lý giáo dục	30	4,5									
Nhóm 5	6	HTK	219	Giáo dục Tiểu học	208	4,5									
				Giáo dục tiểu học - TA		4,5									
				Giáo dục quốc phòng và AN	11	4,5									
	7	HTK	221	Triết học	29				6,7						
				Tâm lý học (TLH TH)	66				6,7						
				Tâm lý học giáo dục					6,7						
				Giáo dục mầm non	126				6,7						
				Giáo dục mầm non- TA					6,7						
Nhóm 6	8	HTK	170	SP Lịch sử	90				8,9						
				Công tác xã hội	80				8,9						
	9	401K	169	SP Địa lý	169					2,3					
	10	401K	186	SP Âm nhạc	19					4,5					
				SP Mỹ Thuật						4,5					
				Giáo dục chính trị	121					4,5					
				Giáo dục Công dân						4,5					
				Chính trị học						4,5					
				Giáo dục thể chất	46					4,5					
Nhóm 7	11	HTK	195	SP Toán TA, Lý TA, Hóa TA, Tin TA, Sinh TA	195					2,3					

8. Môn TH Tiếng việt (2 tc)

Nhóm	Lớp	Phòng	Tổng	Tên khoa	SL	Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu	
						Sáng	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*
Nhóm 3	1	401K	144	SP Tiếng Anh	29										6,7,8
				Ngôn ngữ Anh											6,7,8
				Tiếng Pháp	20										6,7,8
				Việt Nam học	95										6,7,8
				Quản trị dịch vụ du lịch											6,7,8
Nhóm 4	2	401K	163	SP Ngữ văn (A1,2,3,4,)	99									3,4,5	
				SP Văn (A5,6,7)										3,4,5	
				Văn học E										3,4,5	
				Giáo dục đặc biệt	59									3,4,5	

				Hỗ trợ người khuyết tật	39									3,4,5	
				Quản lý giáo dục	5									3,4,5	
Nhóm 5	3	401K	205	Giáo dục Tiểu học	31							3,4,5			
				Giáo dục tiểu học - TA								3,4,5			
				Giáo dục quốc phòng và AN	12							3,4,5			
				Triết học	21							3,4,5			
				Tâm lý học (TLH TH)	22							3,4,5			
				Tâm lý học giáo dục								3,4,5			
				Giáo dục mầm non	119							3,4,5			
				Giáo dục mầm non- TA								3,4,5			
Nhóm 6	4	407K	110	SP Lịch sử	23			3,4,5							
				Công tác xã hội	26			3,4,5							
				SP Địa lý	18			3,4,5							
				SP Âm nhạc	10			3,4,5							
				SP Mỹ Thuật				3,4,5							
				Giáo dục chính trị	32			3,4,5							
				Giáo dục Công dân				3,4,5							
				Chính trị học				3,4,5							
				Giáo dục thể chất	1			3,4,5							

9. Môn Tiếng Anh1 A1 (3 tc)

Nhóm	Lớp	Phòng	Tổng	Tên khoa	SL	Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu	
						Sáng	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*
Nhóm 1, Tuần 1-2	1	201K	47	SP Toán học (A1,2)	214				6,7,8,9,10						
	2	202K	52	SP Toán (A3,4)					6,7,8,9,10						
	3	203K	61	SP Toán (A5,6)					6,7,8,9,10						
	4	204K	54	Toán học					6,7,8,9,10						
	5	201K	67	SP Vật lý (A1,2)	134								6,7,8,9,10		
	6	202K	67	SP Vật lý (A3,4)									6,7,8,9,10		
Nhóm 2, Tuần 3-4	7	201K	49	SP Hóa học A1	190	1,2,3,4,5									
	8	202K	43	SP Hóa học A2		1,2,3,4,5									
	9	203K	49	SP Hóa học A3		1,2,3,4,5									
	10	204K	49	Hóa học		1,2,3,4,5									
	11	205K	36	Công nghệ thông tin	36	1,2,3,4,5									
				SP Tin học		1,2,3,4,5									
Nhóm 3, Tuần 5-6	12	201K	64	SP Công nghệ	64									1,2,3,4,5	
	13	202K	69	SP Sinh học A	139									1,2,3,4,5	
	14	203K	70	Sinh học, SP Sinh B										1,2,3,4,5	
	15	201K	62	Việt Nam học	62			1,2,3,4,5							
	16	202K	42	Tiếng Pháp	10			1,2,3,4,5							
				Quản trị dịch vụ du lịch	32			1,2,3,4,5							
Nhóm 4, Tuần 7-8	17	201K	45	SP Ngữ văn (A1,2)	203		6,7,8,9,10								
	18	202K	54	SP Văn (A3,4)			6,7,8,9,10								
	19	203K	54	SP Văn (A5,7)			6,7,8,9,10								
	20	204K	50	Văn học E, SP Văn A6			6,7,8,9,10								
	21	304K	78	Giáo dục đặc biệt	78			1,2,3,4,5							
	22	204K	41	Hỗ trợ người khuyết tật	21			1,2,3,4,5							
				Quản lý giáo dục	20			1,2,3,4,5							
Nhóm 5, Tuần 9-10	23	304K	78	Giáo dục Tiểu học	28										6,7,8,9,10
				Giáo dục tiểu học - TA											6,7,8,9,10
				Giáo dục quốc phòng và AN	18										6,7,8,9,10
				Triết học	32										6,7,8,9,10
	24	202K	64	Tâm lý học (TLHTH)	64										6,7,8,9,10

Tuần 9-10	24	202K	64	Tâm lý học giáo dục	64										6,7,8,9,10
	25	203K	52	Giáo dục mầm non A1	163										6,7,8,9,10
	26	204K	56	Giáo dục mầm non A2											6,7,8,9,10
	27	205K	55	Giáo dục mầm non A3											6,7,8,9,10
Nhóm 6, Tuần 11-12	28	203K	41	SP Lịch sử A	84								6,7,8,9,10		
	29	204K	43	SP Lịch sử B									6,7,8,9,10		
	30	304K	79	Công tác xã hội	79								6,7,8,9,10		
	31	201K	47	SP Địa lý A	47							1,2,3,4,5			
	32	304K	79	SP Địa lý B,C	79							1,2,3,4,5			
	33	203K	62	SP Âm nhạc	39							1,2,3,4,5			
				SP Mỹ Thuật								1,2,3,4,5			
				Giáo dục thể chất	23							1,2,3,4,5			
	34	204K	56	Giáo dục Công dân	56							1,2,3,4,5			
	35	205K	30	Giáo dục chính trị	6							1,2,3,4,5			
				Chính trị học	24							1,2,3,4,5			
	35														

10. Môn Tiếng Trung 1 (3 tc)

Nhóm	Lớp	Phòng	Tổng	Tên khoa	SL	Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu	
						Sáng	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*
Nhóm 1	1	301K	64	SP Toán học (A1,2,3,4)	22				6,7,8,9,10						
				SP Toán (A5,6)					6,7,8,9,10						
				Toán học					6,7,8,9,10						
				SP Vật lý	42				6,7,8,9,10						
Nhóm 2	2	301K	62	SP Hóa học	32	1,2,3,4,5									
				Hóa học		1,2,3,4,5									
				Công nghệ thông tin	30	1,2,3,4,5									
				SP Tin học		1,2,3,4,5									
Nhóm 3	3	301K	38	SP Công nghệ	8									1,2,3,4,5	
				SP Sinh học	12									1,2,3,4,5	
				Sinh học										1,2,3,4,5	
				Tiếng Pháp	18									1,2,3,4,5	
	4	301K	62	SP Tiếng Anh A,2	136								6,7,8,9,10		
	5	302K	74	Ngôn ngữ Anh, SP Anh A3									6,7,8,9,10		
	6	301K		Việt Nam học	45			1,2,3,4,5							
				Quản trị dịch vụ du lịch				1,2,3,4,5							
Nhóm 4	7	301K	53	SP Ngữ văn (A1,2,3)	195		6,7,8,9,10								
	8	302K	44	SP Văn (A4,5)			6,7,8,9,10								
	9	303K	47	SP Văn (A6,7)			6,7,8,9,10								
	10	304K	51	Văn học E			6,7,8,9,10								
	11	302K	52	Giáo dục đặc biệt	48			1,2,3,4,5							
				Hỗ trợ người khuyết tật				1,2,3,4,5							
				Quản lý giáo dục	4			1,2,3,4,5							
Nhóm 5	12	301K	44	Giáo dục Tiểu học	19										6,7,8,9,10
				Giáo dục tiểu học - TA											6,7,8,9,10
				Giáo dục quốc phòng và AN	6										6,7,8,9,10
				Triết học	19										6,7,8,9,10
	13	302K	38	Tâm lý học (TLH TH)	17										6,7,8,9,10
				Tâm lý học giáo dục											6,7,8,9,10
				Giáo dục mầm non	21										6,7,8,9,10
				Giáo dục mầm non- TA											6,7,8,9,10
	14	303K	40	SP Lịch sử	22								6,7,8,9,10		

Nhóm 6	14	305K	40	Công tác xã hội	18								6,7,8,9,10		
	15	301K	53	SP Địa lý	53							1,2,3,4,5			
	16	302K	46	SP Âm nhạc	30							1,2,3,4,5			
				SP Mỹ Thuật								1,2,3,4,5			
				Giáo dục thể chất	16							1,2,3,4,5			
	17	303K	56	Giáo dục chính trị	56							1,2,3,4,5			
				Giáo dục Công dân								1,2,3,4,5			
				Chính trị học								1,2,3,4,5			
	17														

11. Môn Tiếng Anh1 A2 (3 tc)

Nhóm	Lớp	Phòng	Tổng	Tên khoa	SL	Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu	
						Sáng	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*
Nhóm 1	1	206K	29	SP Toán học (A1,2,3,4)	21				6,7,8,9,10						
				SP Toán (A5,6)					6,7,8,9,10						
				Toán học					6,7,8,9,10						
				SP Vật lý	8				6,7,8,9,10						
Nhóm 2	2	206K	50	SP Hóa học	14	1,2,3,4,5									
				Hóa học		1,2,3,4,5									
				Công nghệ thông tin	36	1,2,3,4,5									
				SP Tin học		1,2,3,4,5									
Nhóm 3	3	206K		SP Công nghệ	0									1,2,3,4,5	
			33	SP Sinh học	5									1,2,3,4,5	
				Sinh học										1,2,3,4,5	
				Tiếng Pháp	28									1,2,3,4,5	
	4	206K	64	Việt Nam học	64			1,2,3,4,5							
				Quản trị dịch vụ du lịch				1,2,3,4,5							
Nhóm 4	5	205K	63	SP Ngữ văn (A1,2,3,)	123		6,7,8,9,10								
	6	206K	60	SP Văn (A4,5,6,7)			6,7,8,9,10								
				Văn học E			6,7,8,9,10								
	7	205K	26	Giáo dục đặc biệt	15			1,2,3,4,5							
				Hỗ trợ người khuyết tật				1,2,3,4,5							
				Quản lý giáo dục	11			1,2,3,4,5							
Nhóm 5	8	303K	40	Giáo dục Tiểu học A1	92										6,7,8,9,10
	9	305K	52	Giáo dục tiểu học A2											6,7,8,9,10
			0	Giáo dục quốc phòng và AN	0										
	10	305K	45	Triết học	1										6,7,8,9,10
				Tâm lý học (TLH TH)	40										6,7,8,9,10
				Tâm lý học giáo dục											6,7,8,9,10
				Giáo dục mầm non	4										6,7,8,9,10
				Giáo dục mầm non- TA											6,7,8,9,10
Nhóm 6	11	206K	47	SP Lịch sử	13								6,7,8,9,10		
				Công tác xã hội	10								6,7,8,9,10		
				SP Địa lý	11								6,7,8,9,10		
				SP Âm nhạc	2								6,7,8,9,10		
				SP Mỹ Thuật									6,7,8,9,10		
				Giáo dục thể chất	7								6,7,8,9,10		
				Giáo dục chính trị	4								6,7,8,9,10		
				Giáo dục Công dân									6,7,8,9,10		
				Chính trị học									6,7,8,9,10		
	11														

12. Môn Thể chất (1 tc)

Nhóm	Lớp	Phòng	Tổng	Tên khoa	SL	Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu	
						Sáng	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*
Nhóm 1, Tuần 1-2	1			SP Toán học A1	236							TC 1,2,3,4			
	2			SP Toán học A2								TC 1,2,3,4			
	3			SP Toán học A3								TC 1,2,3,4			
	4			SP Toán học A4								TC 1,2,3,4			
	5			SP Toán học A5								TC 1,2,3,4			
	6			SP Toán học A6	118							TC 1,2,3,4			
	7			Toán học E1	94							TC 1,2,3,4			
	8			Toán học E2								TC 1,2,3,4			
	9			SP Vật lý A1											TC 7,8,9,10
	10			SP Vật lý A2											TC 7,8,9,10
	11			SP Vật lý A3											TC 7,8,9,10
	12			SP Vật lý A4	258										TC 7,8,9,10
Nhóm 2, Tuần 3-4	13			SP Hóa học A1	210					TC 1,2,3,4					
	14			SP Hóa học A2						TC 1,2,3,4					
	15			SP Hóa học A3						TC 1,2,3,4					
	16			Hóa học E1						TC 1,2,3,4					
	17			Hóa học E2	70					TC 1,2,3,4					
	18			Công nghệ thông tin E1						TC 1,2,3,4					
	19			Công nghệ thông tin E2						TC 1,2,3,4					
	20			Công nghệ thông tin E3						TC 1,2,3,4					
	21			Công nghệ thông tin E4						TC 1,2,3,4					
	22			SP Tin học A1	245						TC 7,8,9,10				
	23			SP Tin học A2							TC 7,8,9,10				
	24			SP Tin học A3	165						TC 7,8,9,10				
Nhóm 3, Tuần 5-6	25			SP Công nghệ A	103	TC 1,2,3,4									
	26			SP Công nghệ B		TC 1,2,3,4									
	27			SP Sinh học A	162	TC 1,2,3,4									
	28			SP Sinh học B		TC 1,2,3,4									
	29			Sinh học, SP Sinh A,B	12	TC 1,2,3,4									
	30			SP Tiếng Anh A1	112									TC 1,2,3,4	
	31			SP Tiếng Anh A2										TC 1,2,3,4	
Nhóm 3, Tuần 5-6	32			SP Tiếng Anh A3										TC 1,2,3,4	
	33			Ngôn ngữ Anh	59									TC 1,2,3,4	
	34			Tiếng Pháp	59	TC 1,2,3,4									
	35			Việt Nam học A	119								TC 7,8,9,10		
	36			Việt Nam học B									TC 7,8,9,10		
	37			Quản trị dịch vụ du lịch C									TC 7,8,9,10		
	38			Quản trị dịch vụ du lịch D	109								TC 7,8,9,10		
Nhóm 4, Tuần 7-8	39			SP Ngữ văn (A1)	255			TC 1,2,3,4							
	40			SP Ngữ văn (A2)				TC 1,2,3,4							
	41			SP Ngữ văn (A3)				TC 1,2,3,4							
	42			SP Ngữ văn (A4)				TC 1,2,3,4							
	43			SP Ngữ văn (A5)				TC 1,2,3,4							
	44			SP Văn (A6)				TC 1,2,3,4							
	45			SP Văn (A7)				TC 1,2,3,4							
	46			Văn học E1	180						TC 7,8,9,10				
	47			Văn học E2	101						TC 7,8,9,10				
	48			Giáo dục đặc biệt	141						TC 7,8,9,10				

	49			Giáo dục đặc biệt	141						TC 7,8,9,10				
	50			Hỗ trợ người khuyết tật	35						TC 7,8,9,10				
	51			Quản lý giáo dục	39		TC 7,8,9,10								
Nhóm 5, Tuần 9-10	52			Giáo dục Tiểu học A	141				TC 7,8,9,10						
	53			Giáo dục Tiểu học B	141				TC 7,8,9,10						
	54			Giáo dục tiểu học - TA	100				TC 7,8,9,10						
	55			Giáo dục tiểu học - TA	100				TC 7,8,9,10						
	56			Giáo dục quốc phòng và AN	25				TC 7,8,9,10						
	57			Triết học	66								TC 7,8,9,10		
	58			Tâm lý học (TLH TH) B	86								TC 7,8,9,10		
	59			Tâm lý học (TLH TH) C	86								TC 7,8,9,10		
	60			Tâm lý học giáo dục	44								TC 7,8,9,10		
	61			Giáo dục mầm non A1	197	TC 1,2,3,4									
	62			Giáo dục mầm non A2	197	TC 1,2,3,4									
	63			Giáo dục mầm non A3	197	TC 1,2,3,4									
	64			Giáo dục mầm non- TA K1	78			TC 1,2,3,4							
	65			Giáo dục mầm non- TA K2	78			TC 1,2,3,4							
Nhóm 6, Tuần 11-12	66			SP Lịch sử A	128		TC 7,8,9,10								
	67			SP Lịch sử B	128		TC 7,8,9,10								
	68			Công tác xã hội A	121		TC 7,8,9,10								
	69			Công tác xã hội B	121		TC 7,8,9,10								
	70			SP Địa lý A1	202		TC 7,8,9,10								
	71			SP Địa lý A2	202		TC 7,8,9,10								
	72			SP Địa lý A3	202		TC 7,8,9,10								
	73			SP Địa lý A1,2,3	202		TC 7,8,9,10								
	74			SP Âm nhạc	67				TC 7,8,9,10						
	75			SP Mỹ Thuật	18				TC 7,8,9,10						
	75			Giáo dục chính trị	16				TC 7,8,9,10						
				Chính trị học	48				TC 7,8,9,10						
	77			Giáo dục Công dân	102									TC 1,2,3,4	
	78			Giáo dục Công dân	102									TC 1,2,3,4	
Nhóm 7	79		198	SP Toán TA	198										TC 7,8,9,10
	80			SP Lý TA											TC 7,8,9,10
	81			SP Hoá TA											TC 7,8,9,10
	82			SP Sinh TA											TC 7,8,9,10
	83			SP Tin TA											TC 7,8,9,10
						9	9	9	8	9	8	8	8	6	9